

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 311/TTr-STNMT ngày 26 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2024
- Quyết định này thay thế Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; bãi bỏ khoản 3 Điều 1, Điều 2 và Điều 3 Quyết định 05/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND và Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước
thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

(Kèm theo Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh được quy định tại khoản 2 Điều 104, khoản 4 Điều 103, điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 109, khoản 7 và khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024; khoản 3 Điều 4, khoản 7 Điều 12, khoản 9 Điều 13, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, điểm b khoản 2 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 5 và khoản 6 Điều 20, Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Những nội dung liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại cho trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh

1. Đối với chi phí san lấp mặt bằng, chi phí gia cố khả năng chịu lực chống rung, sụt lún đất đối với đất làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh

Căn cứ đơn giá, định mức kinh tế kỹ thuật do Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, ngành ban hành, đơn vị, tổ chức lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tổ chức thực hiện xác định chi phí và trình phê duyệt cùng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Đối với chi phí cải tạo đất, làm tăng độ màu mỡ đất sản xuất nông nghiệp:

- a) Đất trồng lúa: 2.000 đồng/m²
- b) Đất trồng cây hằng năm khác: 1.000 đồng/m²
- c) Đất trồng cây lâu năm: 2.000 đồng/m².

Điều 4. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ an toàn

Diện tích có đủ điều kiện được bồi thường thuộc hành lang bảo vệ an toàn không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng bị hạn chế khả năng sử dụng được bồi thường thiệt hại, cụ thể như sau:

1. Đối với đất ở và các loại đất khác trong cùng thửa đất ở được bồi thường thiệt hại bằng 80% giá đất cùng loại.

2. Đối với diện tích đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất của hộ gia đình, cá nhân trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không được bồi thường thiệt hại bằng 30% giá đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất theo giá đất bồi thường.

Điều 5. Tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất bị thu hồi

Khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, nếu đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai mà không có đất cùng loại để bồi thường, có nhu cầu bồi thường bằng đất ở thì được xem xét bồi thường bằng đất ở, cụ thể như sau:

1. Đối với đất phi nông nghiệp: Nếu thu hồi hết diện tích đang sử dụng hoặc diện tích còn lại nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo quy định của UBND tỉnh thì được quy đổi bằng một thửa đất ở (nếu địa phương có quỹ đất).

2. Đối với đất nông nghiệp: Nếu thu hồi hết diện tích đang sử dụng hoặc diện tích đất nông nghiệp còn lại nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa theo quy định của UBND tỉnh và giá trị bằng tiền của diện tích bồi thường bằng hoặc lớn hơn 80% thửa đất ở được giao đất thì được quy đổi bằng một thửa đất ở (nếu địa phương có quỹ đất).

Điều 6. Bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác không thể di chuyển

Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển được thì được bồi thường thiệt hại theo mức đơn giá của con giống tại thời điểm thu hồi đất cộng với chi phí chăn nuôi,

chăm sóc kể từ thời điểm bắt đầu chăn nuôi đến thời điểm thu hồi đất và được tận thu, tận dụng tài sản.

Điều 7. Bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt khi di chuyển tài sản

1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở (bao gồm thu hồi đất được bồi thường đất ở và thu hồi đất không được bồi thường về đất ở; di chuyển chỗ ở để xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở) thì được bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt khi di chuyển tài sản.

2. Mức bồi thường:

- a) Nếu di chuyển trong phạm vi huyện, thành phố, thị xã: 8.000.000đồng;
- b) Nếu di chuyển ngoài phạm vi huyện, thành phố, thị xã: 10.000.000 đồng;
- c) Nếu di chuyển ra ngoài phạm vi tỉnh: 15.000.000 đồng.

Điều 8. Bồi thường thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt đối với trường hợp di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất

Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất thì ngoài việc được bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt còn được bồi thường thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt. Mức bồi thường bằng giá trị vật tư mới tương đương của các bộ phận bị hư hại trong quá trình tháo dỡ hoặc không tiếp tục sử dụng được.

Điều 9. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất

1. Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị tháo dỡ hoặc phá dỡ một phần mà phần còn lại cải tạo, sửa chữa để tiếp tục sử dụng thì phần tháo dỡ hoặc phá dỡ được bồi thường theo giá trị chất lượng còn lại và được cộng với 20% giá trị xây dựng mới của phần còn lại nhưng giá trị bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về chuyên ngành thì được bồi thường theo giá trị chất lượng còn lại thực tế của công trình phù hợp trên địa bàn từng địa phương.

Điều 10. Bồi thường chi phí cải tạo, sửa chữa cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và diện tích coi như trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp bằng giá trị cải tạo, sửa chữa, nâng cấp mới cho phần nhà đã được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo thiết kế dự toán phần cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà ở được UBND cấp huyện phê duyệt.

Điều 11. Bồi thường di dời mồ mã

1. Bồi thường về chi phí xây dựng

Trường hợp mộ di dời được xây theo mẫu có giá được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì xác định theo đơn giá đã được ban hành. Trường hợp mộ di dời xây không theo mẫu đã có giá thì xác định bằng giá trị xây dựng mới.

2. Bồi thường chi phí đào, bốc, di dời, chi phí tâm linh là 12.000.000 đồng/mộ.

3. Trường hợp hộ gia đình tự lo đất di dời mồ mả thì ngoài phần bồi thường theo khoản 1 và khoản 2 Điều này thì còn được hỗ trợ thêm chi phí về đất 2.000.000 đồng/mộ.

4. Trường hợp hộ gia đình sử dụng hình thức hỏa táng, lưu trữ tro cốt tại các cơ sở lưu trữ tro cốt thì ngoài phần bồi thường theo khoản 1 và khoản 2 Điều này thì còn được hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng/mộ.

Chương III **QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT**

Điều 12. Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

1. Khi Nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai và khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ tiền bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định.

2. Khi Nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai được hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

Điều 13. Hỗ trợ di dời vật nuôi

Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di dời vật nuôi thì được hỗ trợ toàn bộ tiền công và chi phí thuê phương tiện di chuyển (nếu có) theo chi phí thực tế.

Điều 14. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh

1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp tại điểm a khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền theo mức 2.000.000 đồng cho một hộ gia đình.

2. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền theo mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của ba năm liền kề trước đó được cơ quan thuế xác nhận.

3. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại

khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc. Mức trợ cấp ngừng việc được tính bằng tiền lương tối thiểu nhân với hệ số cấp bậc công việc của ngành nghề tương ứng theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian 06 (sáu) tháng, được chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Điều 15. Hỗ trợ đối với các trường hợp, dự án cụ thể

Đối với các trường hợp xem xét hỗ trợ theo từng dự án, trường hợp cụ thể quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật đất đai; khoản 7 Điều 12, khoản 9 Điều 13, khoản 2 Điều 19, khoản 5 Điều 20 và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP. Căn cứ vào tình hình thực tế đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với chủ đầu tư đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, báo cáo Ủy ban nhân tỉnh mức hỗ trợ đối với từng dự án, trường hợp cụ thể.

Điều 16. Cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành bàn giao trước thời hạn được thưởng như sau:

1. Đối với trường hợp thu hồi đất có nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh bị tháo dỡ toàn bộ được thưởng: 5.000.000 đồng; trường hợp bị tháo dỡ một phần được thưởng: 3.000.000 đồng.

2. Các trường hợp còn lại được thưởng: 2.000.000 đồng.

Chương IV

BỐ TRÍ, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 17. Suất tái định cư tối thiểu

Suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk bằng đất ở, cụ thể như sau:

1. Giá trị suất tái định cư tối thiểu được xác định theo diện tích suất tái định cư tối thiểu nhân với giá đất ở thấp nhất tại nơi bố trí tái định cư.

2. Diện tích tái định cư tối thiểu ở các địa bàn được quy định cụ thể bằng 1,5 lần hạn mức tối thiểu tách thửa đối với đất ở theo quy định của UBND tỉnh Đắk Lắk tại các địa bàn bố trí tái định cư.

Điều 18. Bố trí tái định cư đối với trường hợp sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước

Người đang sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ tiền thuê nhà với mức hỗ trợ theo Điều 20 Quy định này, thời gian hỗ trợ 06 (sáu) tháng; trường hợp người đang sử dụng nhà ở bị thu hồi có nhu cầu và địa phương có quỹ đất ở tái định cư thì được giao 01 (một) thửa đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất; trường hợp tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ bằng tiền theo quy định tại Điều 19 Quy định này.

Điều 19. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở; người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đủ điều kiện để bố trí tái định cư mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ cụ thể trên các địa bàn như sau:

1. Các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột: 150 triệu đồng.
2. Các phường thuộc thị xã Buôn Hồ, thị trấn các huyện: 120 triệu đồng.
3. Các xã thuộc thành phố Buôn Ma Thuột: 100 triệu đồng.
4. Các xã còn lại: 80 triệu đồng.

Điều 20. Hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ bố trí tái định cư

Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị được bố trí tái định cư tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được hỗ trợ tiền thuê nhà kể từ khi bàn giao đất đến khi được giao đất tái định cư, cụ thể như sau:

1. Đối với địa bàn các phường, thị trấn: 1.500.000 đồng/khẩu/tháng, nhưng mức tối đa không quá 7.000.000 đồng/hộ/tháng; riêng với hộ đơn thân 3.000.000 đồng/tháng.
2. Đối với địa bàn các xã: 1.200.000 đồng/khẩu/tháng, nhưng mức tối đa không quá 5.000.000 đồng/hộ; đối với hộ đơn thân 2.000.000 đồng/tháng.

**Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các trường hợp đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này.

2. Đối với các trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt; việc xử lý chi trả bồi thường chậm được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định thu hồi đất.

Điều 22. Trách nhiệm của các sở, ngành cấp tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành và địa phương xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 quy định này tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.

b) Thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo Quy định này.

c) Đối với dự án đầu tư do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư phải thu hồi đất mà làm di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng và cần có chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

d) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 Quy định này, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.

b) Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh về lập dự toán, báo cáo quyết toán về kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

3. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 Quy định này, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.

b) Hướng dẫn xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với nhà cửa, vật kiến trúc, công trình khác gắn liền với đất.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 Quy định này, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.

b) Hướng dẫn xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách về bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 Quy định này, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.

6. Cục Thuế tỉnh

Chỉ đạo Chi cục thuế cấp huyện kiểm tra, cung cấp thông tin về mức thu nhập sau thuế của hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh làm căn cứ hỗ trợ ổn định sản xuất được quy định tại khoản 2 Điều 14 của Quy định này.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo, tổ chức, điều hành các cơ quan chuyên môn trực thuộc và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện nhiệm vụ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền.

2. Tổ chức, tuyên truyền, vận động người có đất, tài sản bị thu hồi thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng quy định.

3. Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền.

4. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và chủ đầu tư thực hiện dự án tái định cư.

5. Lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại địa phương.

6. Phối hợp với chủ đầu tư xây dựng chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư phải thu hồi đất mà làm di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng và cần có chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

7. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa phương trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền về mục đích thu hồi đất để thực hiện dự án cùng chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Nhà nước.

2. Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm theo quy định.

3. Kiểm tra, xác nhận nguồn gốc, thời điểm, tình trạng sử dụng đất và thời điểm tạo lập tài sản; xác nhận hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp; xác nhận các nội dung khác có liên quan.

Điều 25. Trách nhiệm của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Xây dựng kế hoạch triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

2. Tổ chức lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đảm bảo đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Tiếp dân để giải đáp và hướng dẫn giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

4. Hàng năm, lập báo cáo về kết quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã thực hiện trên địa bàn theo từng quý gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 26. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và bàn giao các hồ sơ tài liệu có liên quan của Dự án.

2. Đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Đối với dự án đầu tư do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư phải thu hồi đất mà làm di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng và cần có chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Chủ đầu tư dự án chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện nơi có dự án đi qua, căn cứ tình hình thực tế, phong tục tập quán của cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng, xây dựng chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện cho dự án, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk) để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh; các sở, ngành và địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.